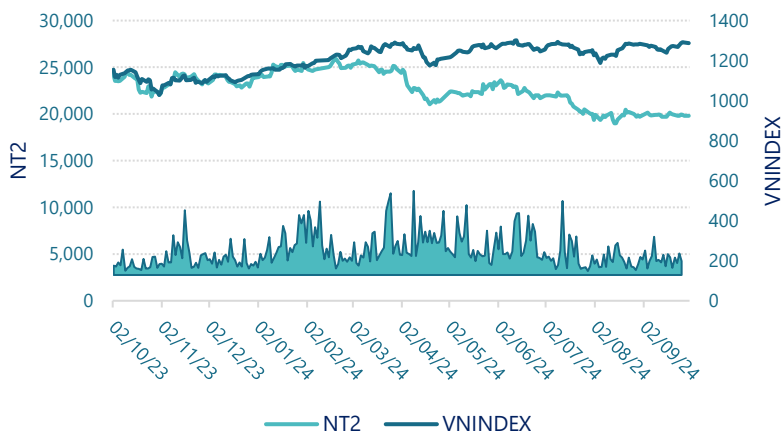




CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (HSX: NT2)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	19,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	25,881
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	19,000
SL cổ phiếu LH	287,876,029
KLGD BQ 20 phiên (CP)	323,660
% sở hữu nước ngoài	13.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,700
P/E	22.9
EPS	863

DT thuần
Q3/24

1,712

tỷ VNĐ

QoQ: ▼474 | -21.7%

YoY: ▲ 896 | 110%

LN sau thuế
Q3/24

44.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▼77.7 | -63.7%

YoY: ▲ 168 | 136%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/24

3.6%

+/- YoY: ▲ 17.5%

DT thuần
9T 2024

4,160

tỷ VNĐ

YoY: ▼1,022 | -19.7%

LN sau thuế
9T 2024

8.33

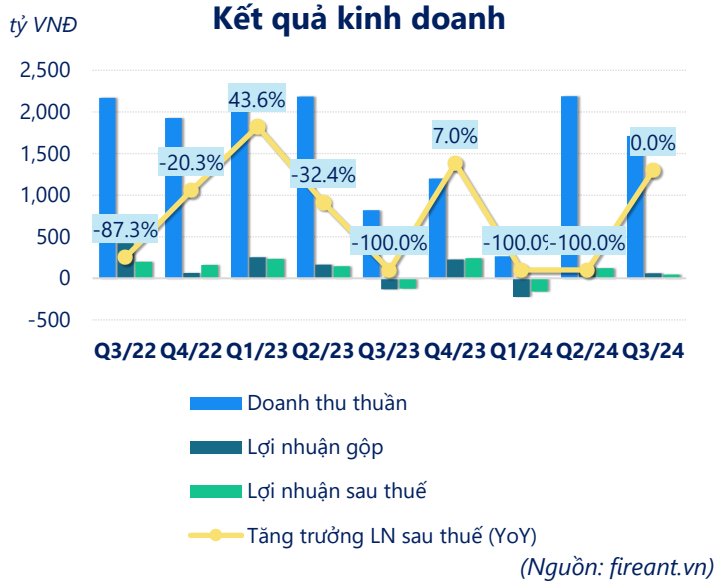
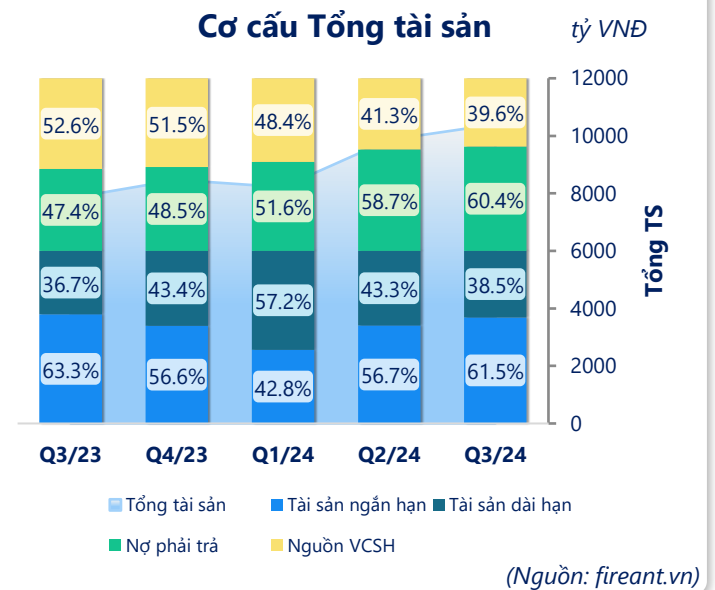
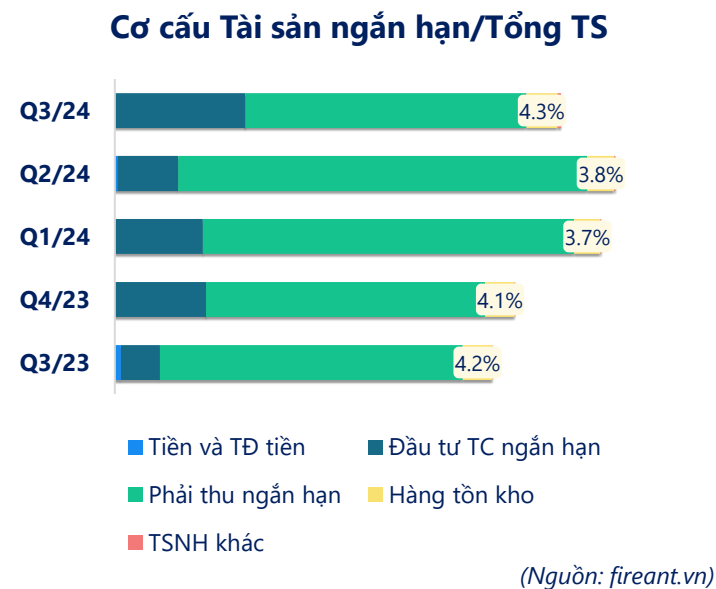
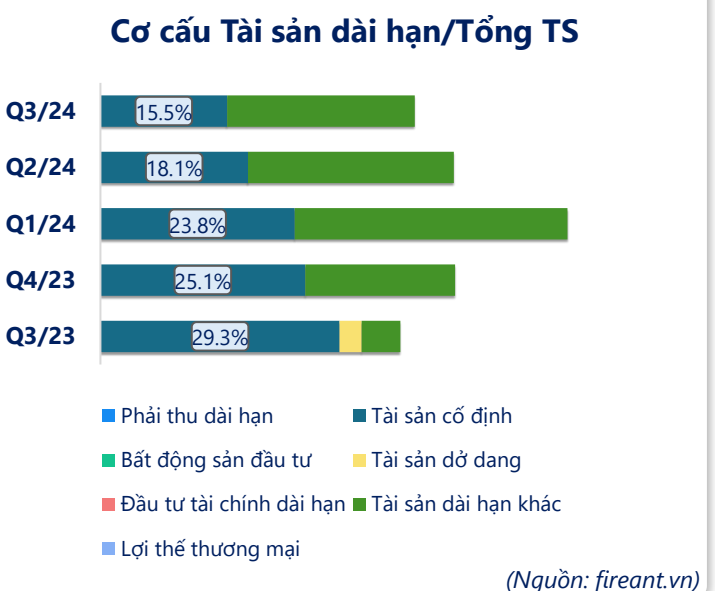
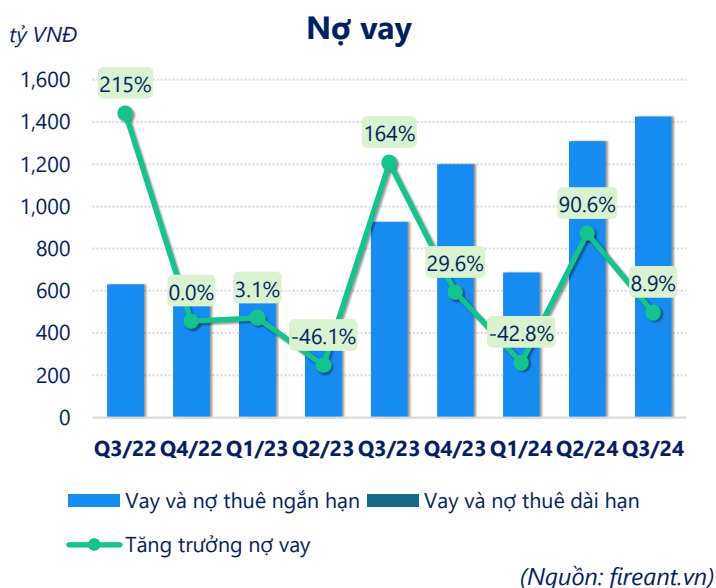
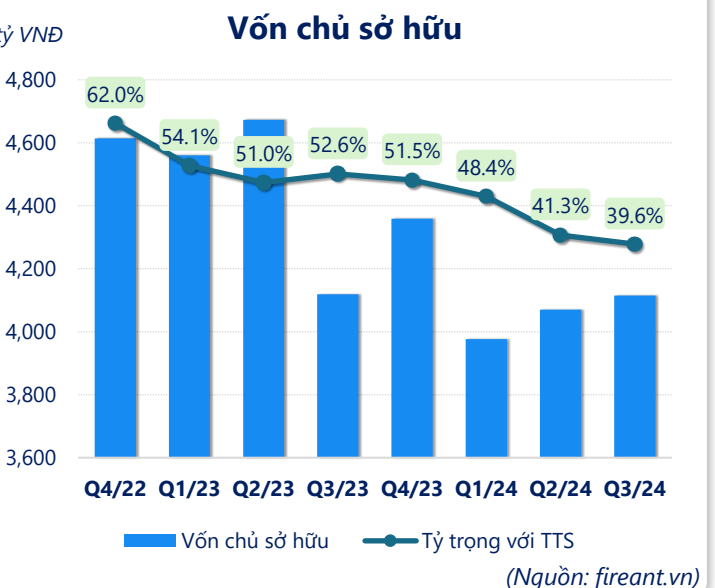
tỷ VNĐ

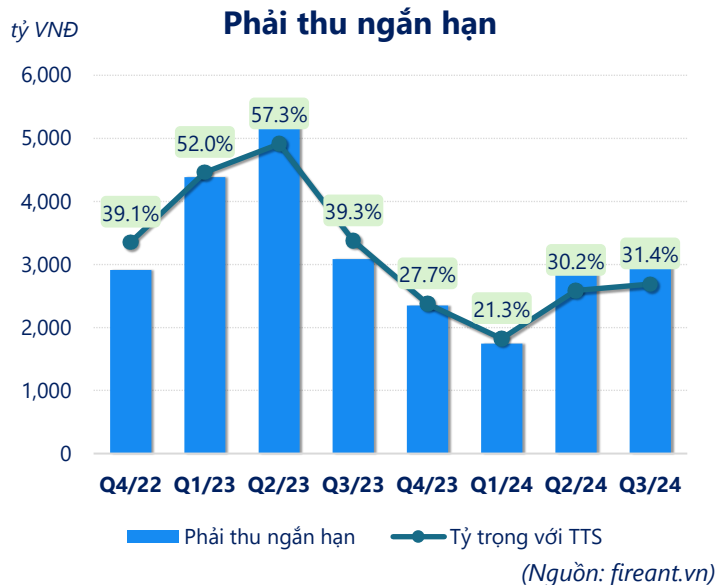
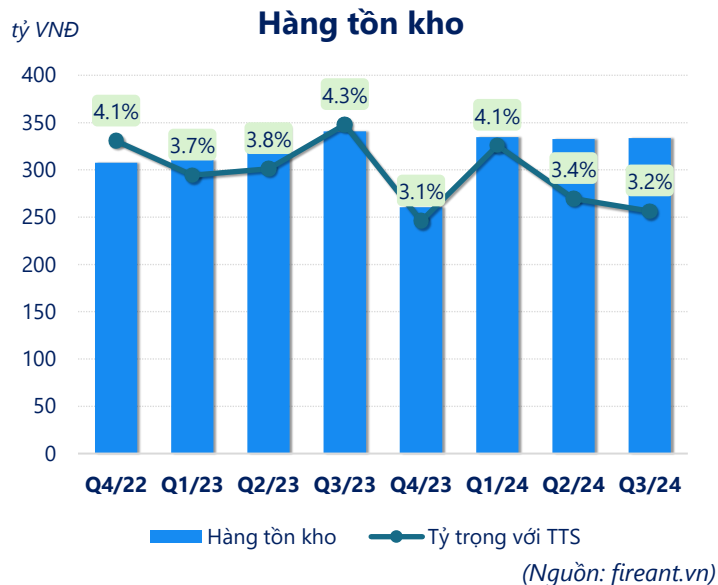
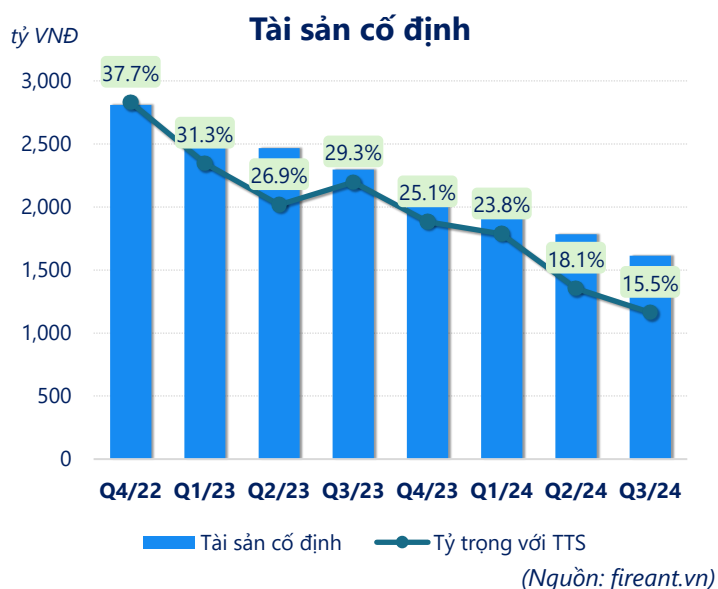
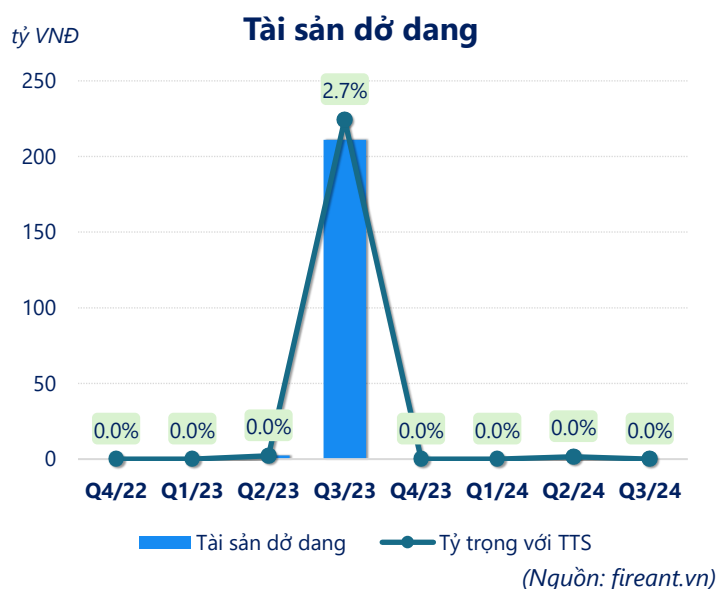
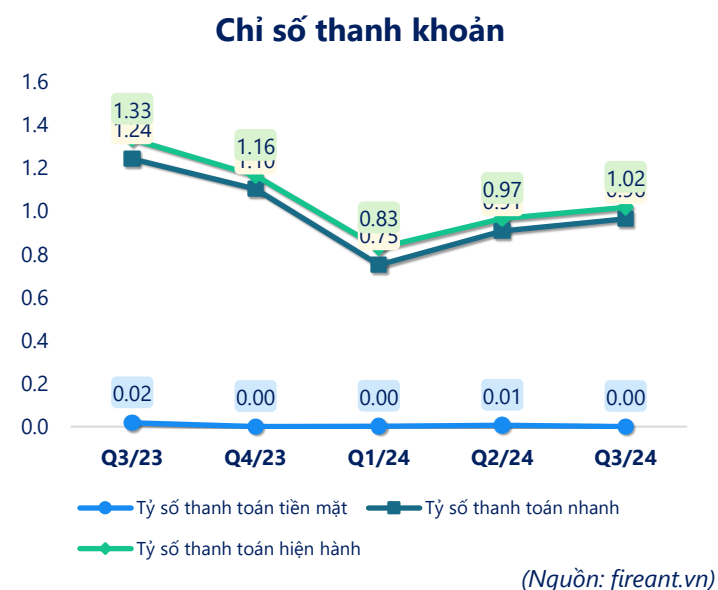
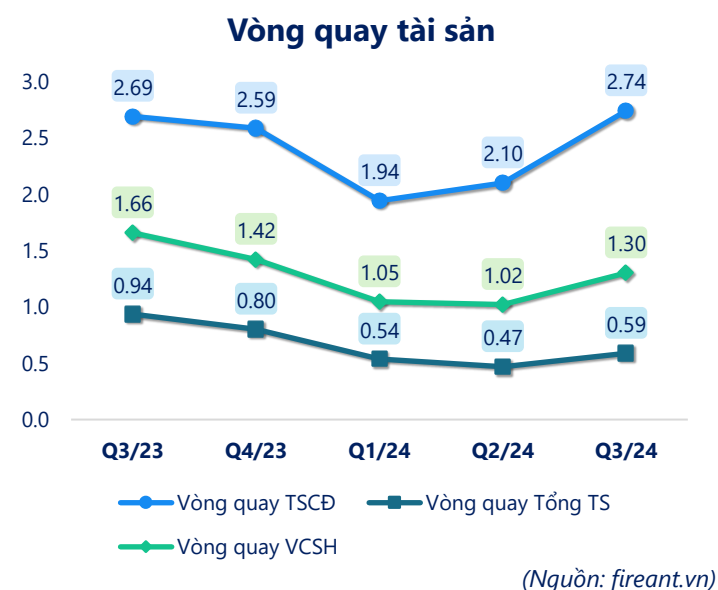
YoY: ▼246 | -96.7%

ROE
Q3/24

6.0%

+/- YoY: ▼ 3.6%





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Tổng tài sản	7,837	8,471	8,210	9,865	10,400
Tài sản ngắn hạn	4,959	4,791	3,512	5,595	6,396
Tiền và tương đương tiền	65.3	1.15	6.97	35.7	3.06
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,430	2,100	1,204	2,017	2,576
Phải thu ngắn hạn	3,083	2,346	1,746	2,977	3,264
Hàng tồn kho	341	260	335	332	333
Tài sản ngắn hạn khác	38.8	82.7	220	232	219
Tài sản dài hạn	2,878	3,680	4,699	4,269	4,004
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	2,297	2,125	1,954	1,783	1,613
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	211	0	0	1.88	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	370	1,555	2,744	2,485	2,390
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	3,718	4,112	4,234	5,795	6,285
Nợ ngắn hạn	3,718	4,112	4,234	5,795	6,285
Vay và nợ thuê ngắn hạn	926	1,200	686	1,308	1,425
Phải trả người bán ngắn hạn	2,231	1,680	2,484	3,318	3,684
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	4,118	4,359	3,976	4,070	4,115
Vốn chủ sở hữu	4,118	4,359	3,976	4,070	4,115
Vốn điều lệ	2,879	2,879	2,879	2,879	2,879
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)